



CÔNG TY CỔ PHẦN SPM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024
ANNUAL REPORT 2024

Thông tin chung
General information
(5-14)

Khái quát về công ty
General information

Quá trình hình thành và phát triển
Establishment and development process

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Business lines and locations of the business

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Information about governance model, business organization and managerial apparatus

Định hướng phát triển
Development orientations

Các rủi ro
Risks

Tình hình hoạt động trong năm
Operations in the Year
(15-29)

Tình hình sản xuất kinh doanh
Situation of production and business operations

Tổ chức và nhân sự
Organization and Human resource

Tình hình các dự án đầu tư
Investment activities, project implementation

Tình hình tài chính
Financial situation

Thông tin về cổ đông, sự thay đổi vốn chủ sở hữu
Shareholders structure, change in the owner's equity

Báo cáo tác động đến môi trường, xã hội
Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
Assessment of operating results

Báo cáo của
Ban TGD

Tình hình tài chính
Financial Situation

*Reports and
assessments
of the Board
of
Management
(30-39)*

Những cải tiến về tổ chức, chính sách
*Improvements in organizational structure, policies, and
management*

Kế hoạch phát triển
Development plans in future

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường , xã
hội *Assessment Report related to environmental and
social responsibilities of the Company*

Đánh giá
của HĐQT
về các mặt
hoạt động
của Công ty
*Assessments
of the BOD
the
Company's
operation
(40-42)*

Đánh giá về hoạt động công ty
*Assessments of the Board of Directors on the
Company's operation*

Đánh giá đối với hoạt động điều hành của Ban TGD
*Assessment of Board of Directors on Board of
Management's performance*

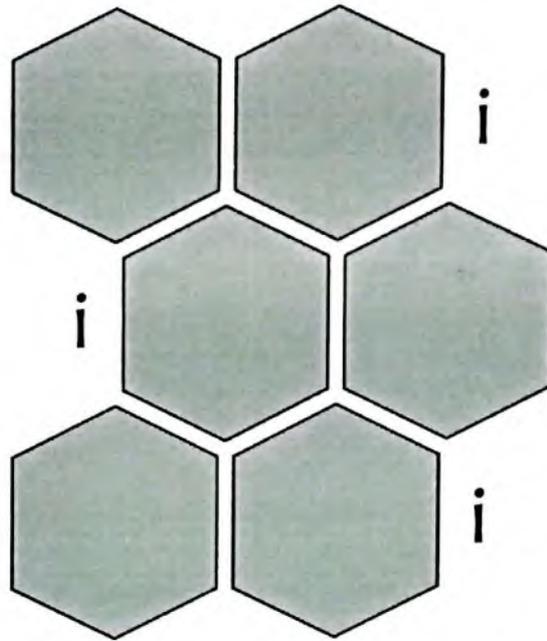
Những kế hoạch và định hướng của HĐQT
Plans and orientations of the Board of Directors

Quản trị công ty	Hội đồng quản trị <i>Board of Directors</i>
<i>Corporate governanc e</i>	Ban kiểm soát <i>Board of Supervisors</i>
(43-50)	Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên HĐQT <i>Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee</i>

Báo cáo tài chính	Báo cáo của ban giám đốc <i>Auditor's opinions</i>
<i>Financial statements</i>	Báo cáo kiểm toán độc lập <i>Audited financial statements</i>
(51-68)	Phụ lục báo cáo tài chính đã kiểm toán <i>Appendix of the Audited Financial Report</i>

Viết tắt/Abbreviation:

HĐQT/BOD	: Hội đồng quản trị/ <i>Board of Directors</i>
TGD/CEO	: Tổng giám đốc/ <i>Chief Executive Officer</i>
Công ty	: Công ty cổ phần S.P.M
HOSE	: Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM/ <i>Ho Chi Minh City Stock Exchange</i>
DEPT	: <i>DEPARTMENT</i>



I. THÔNG TIN CHUNG <i>General information</i>	Thông tin khái quát <i>General information</i>
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh <i>Business lines and locations of the business</i>
	Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý <i>Information about governance model, business organization and managerial apparatus</i>
	Định hướng phát triển <i>Development orientations</i>
	Rủi ro <i>Risks</i>

Thông tin khái quát / *General information*

Tên giao dịch / *Trading name* : Công ty Cổ phần S P M

Tên viết tắt / *Abbreviation* : S P M CORP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Business Registration Certificate No : 0302271207

Vốn điều lệ
Charter capital (31/12/2024) : 140 000 000 000 Đồng/VND

Vốn chủ sở hữu
Owner's capital (31/12/2024) : 803.754.646.435 Đồng/VND

Địa chỉ / *Address* : Lô 51, Đường số 2, KCN Tân Tạo,
Q. Bình Tân, Tp. HCM
*Lot 51, Street No. 2, Tan Tao Industrial
Park, Binh Tan District, HCM City*

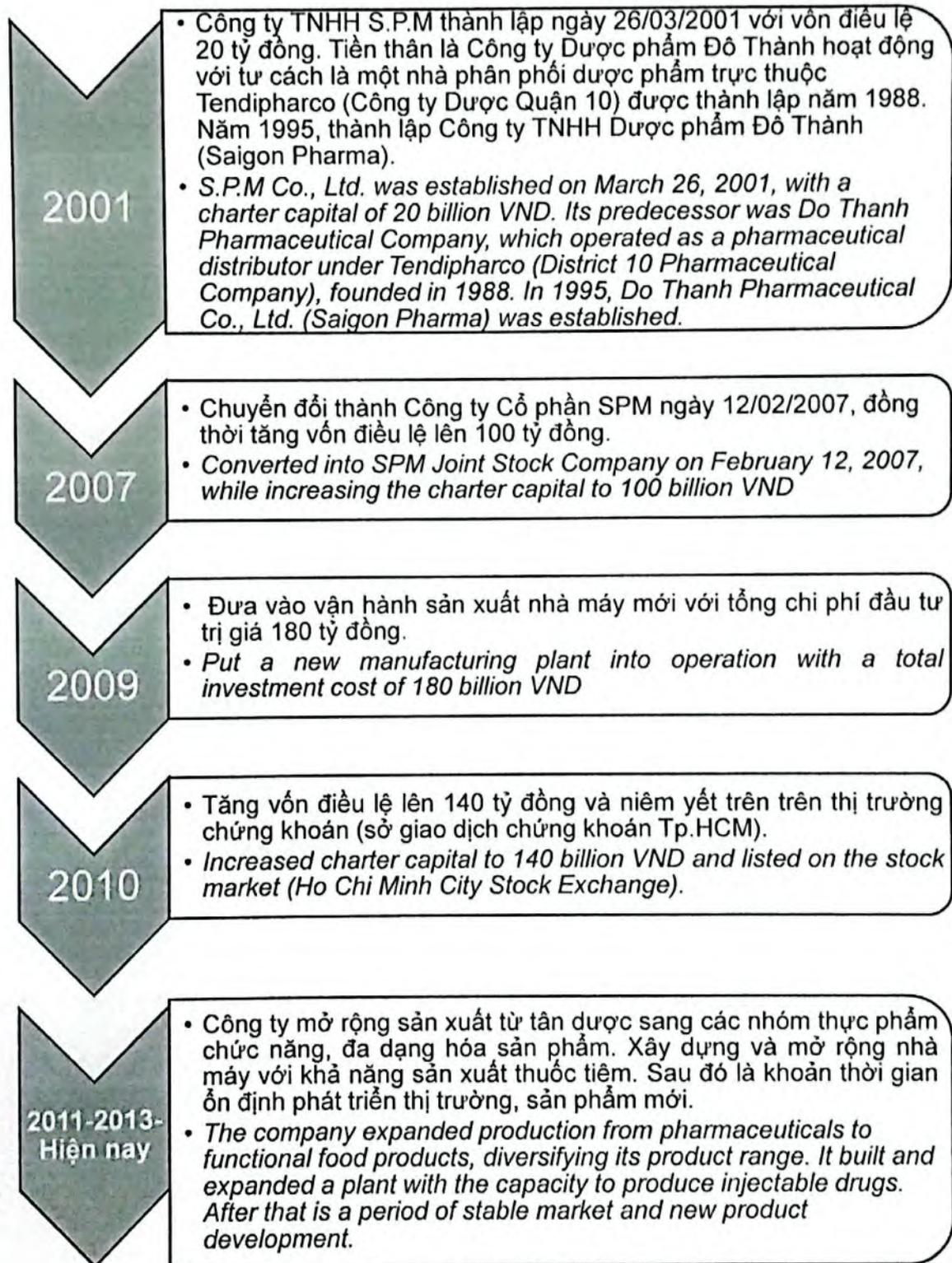
Số điện thoại / *Telephone* : +(84) 028 3862 3747

Fax : +(84) 028 3862 3748

Website : www.spm.com.vn

Mã cổ phiếu / *Securities code* : SPM (*niêm yết tại / listed at HOSE*)

Quá trình hình thành và phát triển / *Establishment and development process*



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh / *Business lines and locations of the business*

Ngành nghề kinh doanh chính <i>Main Business Activities</i>	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu <i>Manufacturing of pharmaceuticals, chemicals, and medicinal materials</i>
	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng <i>Manufacturing of medical, dental, orthopedic, and rehabilitation equipment and instruments</i>
	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh <i>Manufacturing of cosmetics, soap, detergents, polishes, and cleaning products</i>
	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân loại <i>Other specialized wholesale trade not elsewhere classified</i>

Địa bàn kinh doanh	Phân phối toàn quốc thông qua các đại lý lớn, các đại lý bán lẻ. Trọng tâm là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. <i>Nationwide distribution through major agents and retail dealers, with a focus on Ho Chi Minh City and Hanoi</i>
Location of business	Xuất khẩu sang các quốc gia Lào, Campuchia, Myanmar, Kenya, Mỹ, Yemen. <i>Exporting to Laos, Cambodia, Myanmar, Kenya, the United States, and Yemen.</i>

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

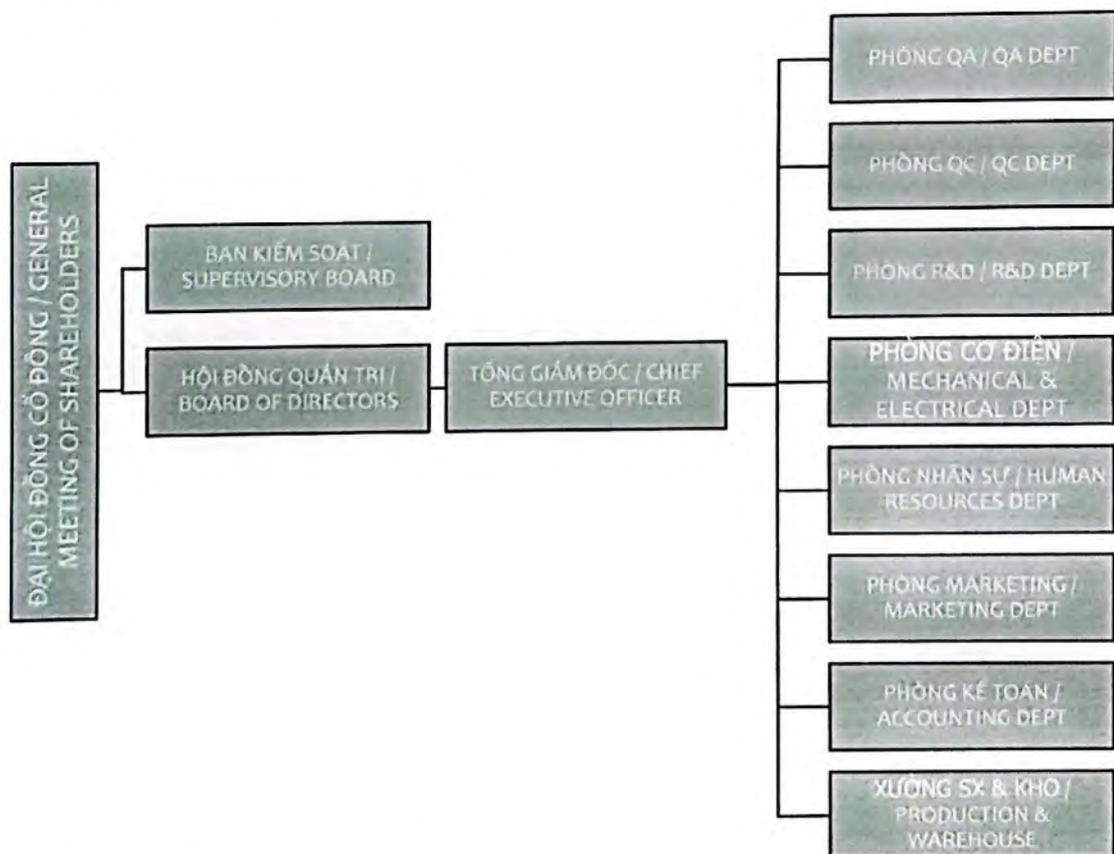
Mô hình quản trị / *Governance model* :

Mô hình quản trị công ty bao gồm Đại hội Đồng cổ đông; Ban kiểm soát thuộc Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc.

The company's governance model includes the General Meeting of Shareholders, the Supervisory Board under the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and the Chief Executive Officer (CEO)

Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure* :

(Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần S.P.M/ Organizational Chart of S.P.M Joint Stock Company)



Các công ty con, công ty liên kết / *Subsidiaries, associated companies* :
không có (none).

Định hướng phát triển / *Development orientations*

Các mục tiêu chủ yếu / *Main objectives of the Company*

Đa dạng sản phẩm, vươn tới dẫn đầu thị trường Việt Nam về dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe.

Diversify products, aiming to become a leader in the Vietnamese market for pharmaceuticals and healthcare products

Tập trung vào 5 lĩnh vực chính sau: sản phẩm Đông dược, dạng bào chế mới, thực phẩm chức năng có công năng điều trị, tương đương sinh học và hoạt chất mới.

Focus on the following five key areas: herbal medicine products, new dosage forms, functional foods with therapeutic effects, bioequivalence, and new active ingredients

Định hướng phát triển / Development orientations

Chiến lược trung và dài hạn /
Development strategies in medium and long term

Về trung hạn: Nghiên cứu và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường Việt Nam và quốc tế; cơ cấu danh mục sản phẩm, đẩy mạnh marketing nhằm hướng tới vị trí dẫn đầu thị trường dược phẩm.

In the mid-term: Research and improve product quality to enhance competitiveness in both the Vietnamese and international markets; restructure the product portfolio and strengthen marketing efforts to aim for a leading position in the pharmaceutical market

Về dài hạn: Định hướng sản phẩm chiến lược; tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm mở rộng thị trường quốc tế. Các dự án phát triển nhân sự toàn diện sẽ được triển khai; các công nghệ quản lý hiện đại cũng sẽ được đầu tư và áp dụng thống nhất.

In the long-term: Develop strategic product orientations and seek strategic partners to expand into international markets. Comprehensive human resource development projects will be implemented, and modern management technologies will be invested in and uniformly applied.

Định hướng phát triển / Development orientations

Các mục tiêu phát triển bền vững / Sustainable Development Goals

Công ty phát triển đảm bảo hài hòa các lợi ích. Các mục tiêu của công ty luôn gắn kết với sự phát triển (hoặc phục vụ lợi ích) cộng đồng. Công ty cũng đảm bảo môi trường lao động an toàn và thỏa mãn cao đối với người lao động; bên cạnh sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng hàng đầu.

The company develops in a way that ensures a harmonious balance of interests. The company's objectives are always aligned with community development (or serving community interests). The company also ensures a safe and highly satisfying working environment for employees, while prioritizing resource conservation and environmental protection.

Rủi ro / Risks

Vĩ mô

Macro

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự tác động bởi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế (tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu). Để hạn chế rủi ro này, Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

The company's business operations are influenced by macroeconomic factors of the economy (such as the global economic downturn). To mitigate this risk, the company's management board always exercises caution and develops appropriate strategic plans for the company's operations.

Kinh doanh

Business

Bên cạnh việc hội nhập phát triển, hoạt động của công ty cũng chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ cả trong nước và ngoài nước. Với số lượng cả ngàn Công ty dược phẩm cả nội địa và nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay, Công ty luôn phải cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ đồng thời luôn cố gắng cập nhật giá cạnh tranh để giữ chân khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

In addition to integration and development, the company's operations also face intense competition from both domestic and international competitors. With thousands of pharmaceutical companies, both local and foreign, currently operating in Vietnam, the company constantly strives to improve product and service quality while also working to maintain competitive pricing to retain existing customers and attract new ones.

Rủi ro / Risks

Nguyên liệu <i>Materials</i>	<p>Nguyên vật liệu của Công ty đa số nhập khẩu. Do đó, những biến động về tỷ giá, xăng dầu, nguồn tài nguyên, thiên tai... đều làm tăng giá nhập nguyên vật liệu trong khi đó công ty không thể tăng giá bán sản phẩm. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p><i>The company's materials are mostly imported. Therefore, fluctuations in exchange rates, fuel prices, natural resources, and natural disasters all increase the cost of imported materials, while the company cannot raise product prices. This significantly affects the company's business performance.</i></p>
------------------------------------	--

Để đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, công ty có kế hoạch cụ thể về sản xuất, dự trữ nguyên vật liệu cũng như chú trọng chất lượng bảo quản. Lập kế hoạch nhập khẩu ở thời điểm thích hợp; tham gia bảo hiểm từ bên thứ ba.

To ensure stable production, the company has a specific plan for production, material reserves, and proper storage quality. It schedules imports at appropriate times and participates in third-party insurance.

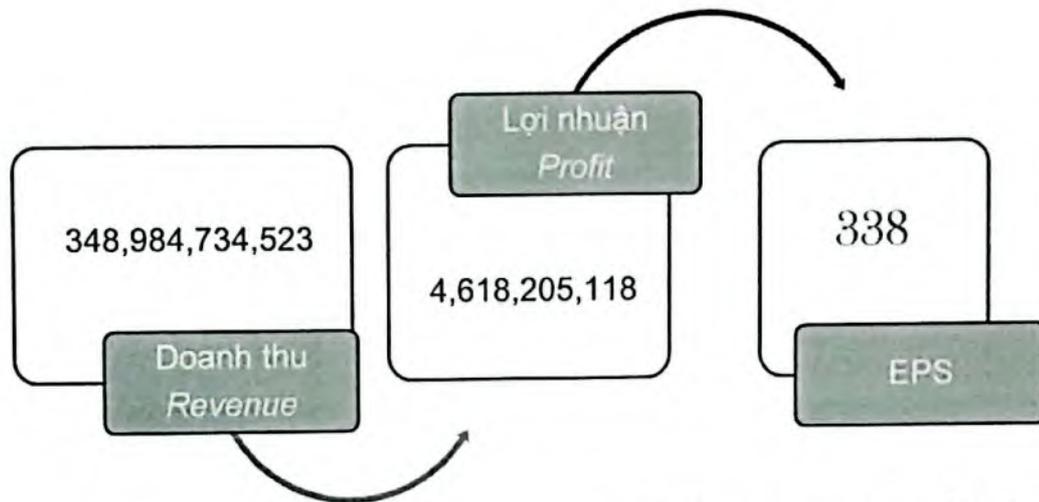
Rủi ro khác <i>Other risks</i>	<p>Các rủi ro khách quan được hiểu như rủi ro bất khả kháng, Công ty có thể phòng ngừa hoặc tham gia các chương trình bảo hiểm nhằm hạn chế thấp nhất sự thất thoát tài sản.</p> <p><i>Objective risks are understood as force majeure risks. The company can take preventive measures or participate in insurance programs to minimize asset loss.</i></p>
--------------------------------------	---



<p>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</p> <p><i>Operations in the Year</i></p>	Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh <i>Situation of production and business operations</i>
	Tổ chức và nhân sự <i>Organization and Human resource</i>
	Tình hình đầu tư <i>Investment activities, project implementation</i>
	Tình hình tài chính <i>Financial situation</i>
	Cơ cấu cổ đông <i>Shareholders structure</i>
	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội <i>Environment-Social-Governance Report</i>

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Situation of production and business operations



(* EPS: Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Earnings per share
Đơn vị/Unit: đồng/VND

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung Content	Kế hoạch Plan	Kỳ trước Previous Period	Kỳ này Current Period	So với kế hoạch Compared to Plan	So với kỳ trước Compared to Previous Period
Doanh thu thuần Net Revenue	380.00	406.10	297.77	-21.6%	-26.7%
Lợi nhuận trước thuế Profit Before Tax	20.00	16.50	4.14	-79.3%	-74.9%
Lợi nhuận sau thuế Profit After Tax	11.00	12.10	4.61	-58.1%	-61.9%

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Situation of production and business operations

Kết quả kinh doanh giảm sút so với cùng kỳ, phản ánh một năm khó khăn hơn dự báo của Ban giám đốc (giảm so với kế hoạch) . Cụ thể, so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 4.61 tỷ, giảm 58.1% và giảm 61.9 % so với năm 2023; cùng với đó doanh thu giảm 26.7% so với cùng kỳ. Điều này phản ánh đúng tình hình kinh tế chung của thế giới và trong nước năm 2024. Riêng về ngành dược, các chính sách thay đổi liên tục trong năm qua cũng ảnh hưởng phần lớn đến kế hoạch kinh doanh của công ty.

Business results declined compared to the same period, reflecting a more challenging year than the Board of Directors had forecast (falling short of the plan). Specifically, compared to the plan, after-tax profit reached 4.61 billion VND, down 58.1% and 61.9% compared to 2023; meanwhile, revenue decreased by 26.7% compared to the same period. This reflects the overall economic situation both globally and domestically in 2024. Regarding the pharmaceutical sector, the continuously changing policies over the past year have also significantly affected the company's business plan.

Tổ chức và nhân sự / Organization and Human resource



Nguyễn Thế Quyền

- Năm sinh/*Date of Birth*: 06/10/1989
- Trình độ chuyên môn/*Professional Qualification*: Dược sỹ/*Pharmacist*
- Quá trình công tác / *Work Experience*:
 - 2012-2016: Nhân viên nghiên cứu/*Research Staff*
 - 2016-2022: Trưởng phòng nghiên cứu/*Head of Research Department*
 - 2022-nay / *Present*: Tổng giám đốc/*General Director*
- Sở hữu cổ phiếu / *Voting Shares Owned*: 0 (tại/at 31/12/2024)

Nguyễn Thế Kỳ

- Năm sinh / *Date of Birth*: 15/06/1944
- Trình độ chuyên môn/*Professional Qualification*: Dược sỹ/*Pharmacist*
- Quá trình công tác / *Work Experience*:
 - 2001 – 2022: Tổng giám đốc/*General Director*
 - 2022-nay/ *present*: Phó giám đốc/*Deputy Director*
- Sở hữu cổ phiếu/ *Voting Shares Owned*: 30,000 chiếm 0.21% (tại/at 31/12/2024)

Tổ chức và nhân sự / *Organization and Human resource*

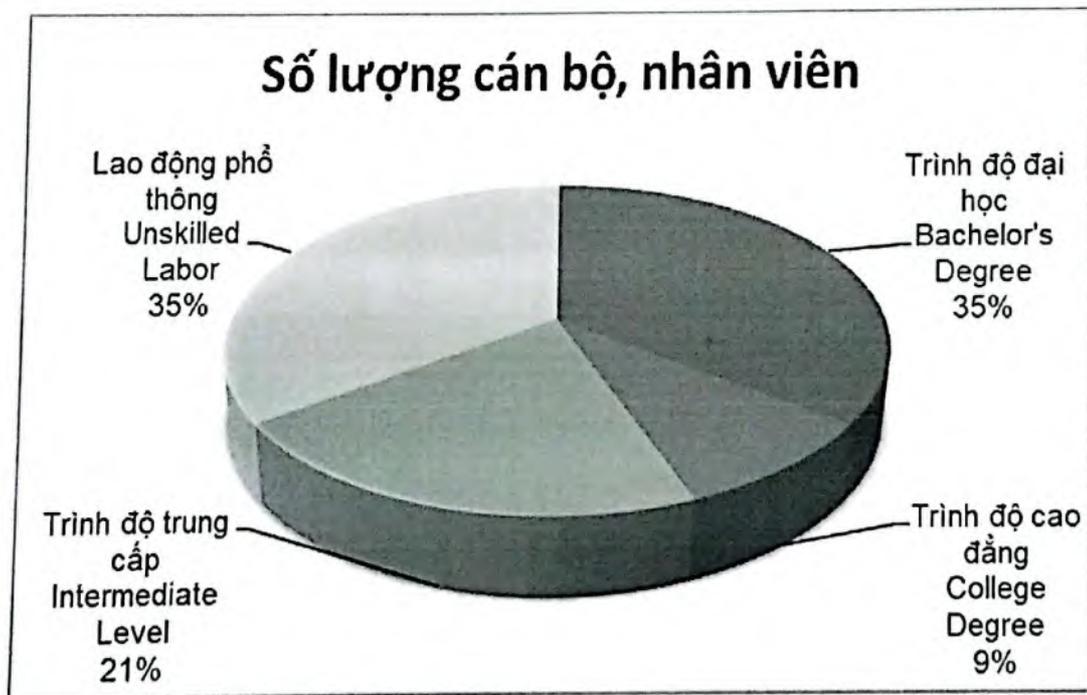
Võ Thành Nhân

- Năm sinh / *Date of Birth*: 30/08/1982
- Trình độ chuyên môn/ *Professional Qualification* : Cử nhân kế toán / *Bachelor of Accounting*
- Quá trình công tác / *Work Experience* :
 - 2015-2021: Nhân viên kế toán/ *Accounting Staff*
 - 2021-nay/present: Trưởng phòng kế toán/ *Chief Accountant*
- Sở hữu cổ phiếu / *Voting Shares Owned*: 0 (tại/at 31/12/2024)

Những thay đổi trong ban điều hành

- Thông qua bầu cử HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029, Ông Đào Hữu Hoàng Vũ được bổ nhiệm thành viên HĐQT; Ông Nguyễn Thế Kỷ không còn là thành viên HĐQT từ 28/06/2024.
- *Through the election of the Board of Directors for the 2024–2029 term, Mr. Đào Hữu Hoàng Vũ has been appointed as a member of the Board of Directors; Mr. Nguyễn Thế Kỷ is no longer a member of the Board of Directors as of June 28, 2024.*

Số lượng cán bộ, nhân viên <i>Classified by Qualification</i>	Số lượng <i>Number</i>	Tỷ trọng <i>Proportion</i>
Trình độ đại học <i>Bachelor's Degree</i>	67	35.26%
Trình độ cao đẳng <i>College Degree</i>	17	8.95%
Trình độ trung cấp <i>Intermediate Level</i>	40	21.05%
Lao động phổ thông <i>Unskilled Labor</i>	66	34.74%
Tổng cộng <i>Total</i>	190	100.00%



• Số liệu đến / Data as of: 31/12/2024

Chính sách đối với người lao động / Policy for Employees

- Chế độ làm việc:
 - Làm việc 5.5 ngày/tuần, riêng lao động trực tiếp sản xuất được nghỉ thêm 2 ngày thứ 7 trong tháng;
- Chế độ lương, thưởng:
 - Công ty áp dụng chế độ thu nhập dựa trên năng suất lao động để khuyến khích lao động lành nghề;
 - Được hưởng lương tháng 13 hàng năm, thưởng các ngày lễ, tết;
 - Phụ cấp nếu làm việc trong môi trường độc hại;
 - 100 % ký hợp đồng và tham gia đầy đủ bảo hiểm theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Chính sách đào tạo:
 - Thực hiện đào tạo theo chuyên đề hàng năm, bao gồm đào tạo nội bộ và thuê chuyên gia bên ngoài;

Working Conditions:

Work 5.5 days/week; direct production workers are entitled to two additional Saturdays off per month.

Salary and Bonus Policy:

The company applies an income policy based on labor productivity to encourage skilled workers.

Entitled to a 13th-month salary annually and bonuses on holidays and New Year.

Allowances for working in hazardous environments.

100% of employees are contracted and fully enrolled in insurance as required by current regulations.

Training Policy:

Annual training programs based on specific topics, including internal training and external expert sessions.

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Investment activities, project implementation

- ❖ Do tình hình kinh doanh hiện đang giảm sút, hiện công ty không có kế hoạch đầu tư, mở rộng. Ngược lại đang có kế hoạch chuyển nhượng, xử lý các dự án không hiệu quả.
- ❖ *Due to the current decline in business performance, the company currently has no plans for investment or expansion. On the contrary, it is planning to transfer or liquidate ineffective projects.*

Công ty không có công ty con, công ty liên kết
The company has no subsidiaries or affiliated companies

Tình hình tài chính / *Financial situation*

Tình hình tài chính / *Financial situation*

Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Năm/Year 2023	Năm/Year 2024	Tăng/giảm <i>change</i>
	(đồng/VND)	(đồng/VND)	(%)
Tổng giá trị tài sản <i>Total asset</i>	1,026,374,176,514	108,845,782,073	-89.4%
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	406,104,852,353	297,775,026,421	-26.7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh <i>Profit from business activities</i>	18,768,133,152	3,741,536,641	-80.1%
Lợi nhuận khác <i>Other profits</i>	(2,265,428,828)	401,515,070	117.7%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	16,502,704,324	4,143,051,711	-74.9%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	12,116,744,013	4,618,205,118	-61.9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức <i>Payout ratio</i>	56.82%	0%	

Tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2024 là **đáng báo động**, với sự suy giảm nghiêm trọng về **doanh thu, lợi nhuận, và khả năng chi trả cổ tức**. Công ty vẫn đang xem xét lại chiến lược kinh doanh, cắt giảm chi phí, và tìm cách cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi để phục hồi trong các năm tiếp theo.

The company's business performance in 2024 is alarming, with a significant decline in revenue, profit, and dividend payout capacity. The company is currently reviewing its business strategy, cutting costs, and seeking ways to improve the efficiency of its core operations to recover in the coming years.

Tình hình tài chính / *Financial situation*

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu / *Major financial indicators*

Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	ĐVT <i>Unit</i>	Năm /Year 2023	Năm /Year 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán <i>Solvency ratio</i>			
Hệ số thanh toán hiện hành <i>Current ratio</i>	lần <i>times</i>	4.308	4.621
Hệ số thanh toán nhanh <i>Quick ratio</i>	lần <i>times</i>	4.083	4.405
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn <i>Capital structure Ratio</i>			
Nợ/Tổng tài sản <i>Debt/Total assets ratio</i>	%	21.5%	20.3%
Nợ/Vốn CSH <i>Debt/Owner's Equity ratio</i>	%	25.1%	25.5%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động <i>Operation capability Ratio</i>			
Vòng quay hàng tồn kho <i>Inventory turnover</i>	vòng <i>times</i>	6.702	5.522
Doanh thu thuần / Tổng tài sản <i>otal asset tumover</i>	vòng <i>times</i>	0.396	0.295
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời <i>Profitability</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần <i>profit after tax/Net revenue Ratio</i>	%	3.0%	1.6%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH <i>profit after tax/total capital Ratio</i>	%	1.5%	0.6%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản <i>profit after tax/Total assets Ratio</i>	%	1.2%	0.5%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần <i>Profit from business activities/Net revenue Ratio</i>	%	4.6%	1.3%

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư / *Shareholders structure, change in the owner's equity*

Thông tin cổ phần / Shares

Tổng cổ phiếu phát hành / *Total shares issued* : 14 000 000 cổ phiếu / shares

Mệnh giá / *Par value* : 10 000 đồng / VND

Cổ phiếu đang lưu hành / *Outstanding shares* : 14 000 000 cổ phiếu / shares

Cổ phiếu quỹ / *Treasury shares* : 230 000 cổ phiếu

Loại cổ phiếu / *Type of shares* : cổ phiếu phổ thông / *common shares*

Cơ cấu cổ đông / *Shareholders structure*

Cơ cấu cổ đông <i>Shareholders structure</i>	Cổ phần sở hữu <i>Ownership shares</i>	Tỷ lệ <i>Ratio</i>
Cổ đông lớn / <i>Major shareholder</i>	13,099,809	93.57%
Cổ đông nhỏ / <i>Minor shareholder</i>	900,191	6.43%
Cổ đông tổ chức / <i>Institutional shareholder</i>	1,376,620	9.83%
Cổ đông cá nhân / <i>Individual shareholder</i>	12,634,990	90.25%
Cổ đông trong nước / <i>Domestic shareholder</i>	13,699,510	97.85%
Cổ đông nước ngoài / <i>Foreign shareholder</i>	300,490	2.15%
Cổ đông nhà nước / <i>State shareholder</i>	-	0.00%
Cổ đông khác / <i>Other shareholder</i>	13,770,000	98.36%
Cổ phiếu quỹ / <i>Treasury stock</i>	230,000	1.64%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *foreign shareholder's maximum percentages* : 49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu / *Change in the owner's equity*: không có / *none*

Giao dịch cổ phiếu quỹ / *Transaction of treasury stocks*: không có / *none*

Các chứng khoán khác / *Other securities* : không có / *none*

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội / *Environment-Social-Governance (ESG)* *Report of the Company*

Tác động lên môi trường / *Impact on the environment* :

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp / *Total direct and indirect GHG emission* : Không / *none*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính / *Measures and initiatives to reduce GHG emission* : Không / *none*

Quản lý nguồn vật liệu / *Management of raw materials*

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm / *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Nguyên vật liệu thể rắn / *Solid materials* : 316,693.31 kg

Nguyên vật liệu thể lỏng / *Liquid materials* : 977.98 lít / *Liters*

Nguyên vật liệu khác / *Other materials* : 24,752,983.19 đơn vị / *unit*

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức / *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*: 0 %

Tiêu thụ năng lượng / *Energy consumption* :

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp / *Energy consumption - directly and indirectly*: 2,093,286.85 kwh (điện/*electricity*).

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả / *Energy savings through initiatives of efficiently using energy*: không / *none*.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội / *Environment-Social-Governance (ESG)* *Report of the Company*

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này / *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: không / none*

Tiêu thụ nước / *Water consumption* :

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng / *Water supply and amount of water used* :

Công ty sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất của Công ty cổ phần đầu tư – Khai thác – Sản xuất và cung cấp nước sạch ITA; lượng nước sử dụng trong năm / *The company uses domestic and production water supplied by ITA Investment – Exploitation – Production and Clean Water Supply Joint Stock Company; the amount of water used during the year : 12 355 m³*

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng / *Percentage and total volume of water recycled and reused: 0 %*

Tuân thủ pháp luật về môi trường / *Compliance with the law on environmental protection*

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: không / none*

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: không / none*

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội / *Environment-Social-Governance (ESG)* *Report of the Company*

Chính sách liên quan đến người lao động / *Policies related to employees*

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động / *Number of employees, average wages of workers* :

- Số lượng lao động / *Number of employees*: 190 (at 31/12/2024).

- Mức lương bình quân / *average wages of workers* : 15,173,031 (đồng/tháng) / (VND/month) .

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động / *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers*:

- Chế độ làm việc: 5.5 ngày/tuần; 8h/ngày / *Work schedule: 5.5 days/week; 8 hours/day*.

- Thường các ngày lễ, tết và áp dụng lương tháng 13 cho toàn bộ nhân viên / *Bonuses for holidays and Tet, and a 13th-month salary applied to all employees*.

- 100 % nhân viên ký hợp đồng và tham gia bảo hiểm theo pháp luật hiện hành / *100% of employees sign contracts and participate in insurance according to current legal regulations*.

Hoạt động đào tạo / *Training activities*:

- Ngoài các hoạt động đào tạo chuyên môn theo yêu cầu đặt thù của ngành dược do Nhà nước quy định. Công ty hàng năm còn tổ chức đào tạo nội bộ về bán hàng, thương hiệu, quản lý thời gian hoặc mời chuyên gia huấn luyện từ bên ngoài.

- *In addition to specialized training activities required by the pharmaceutical industry regulations, the company annually organizes internal training on sales, branding, and time management, or invites external experts for training*

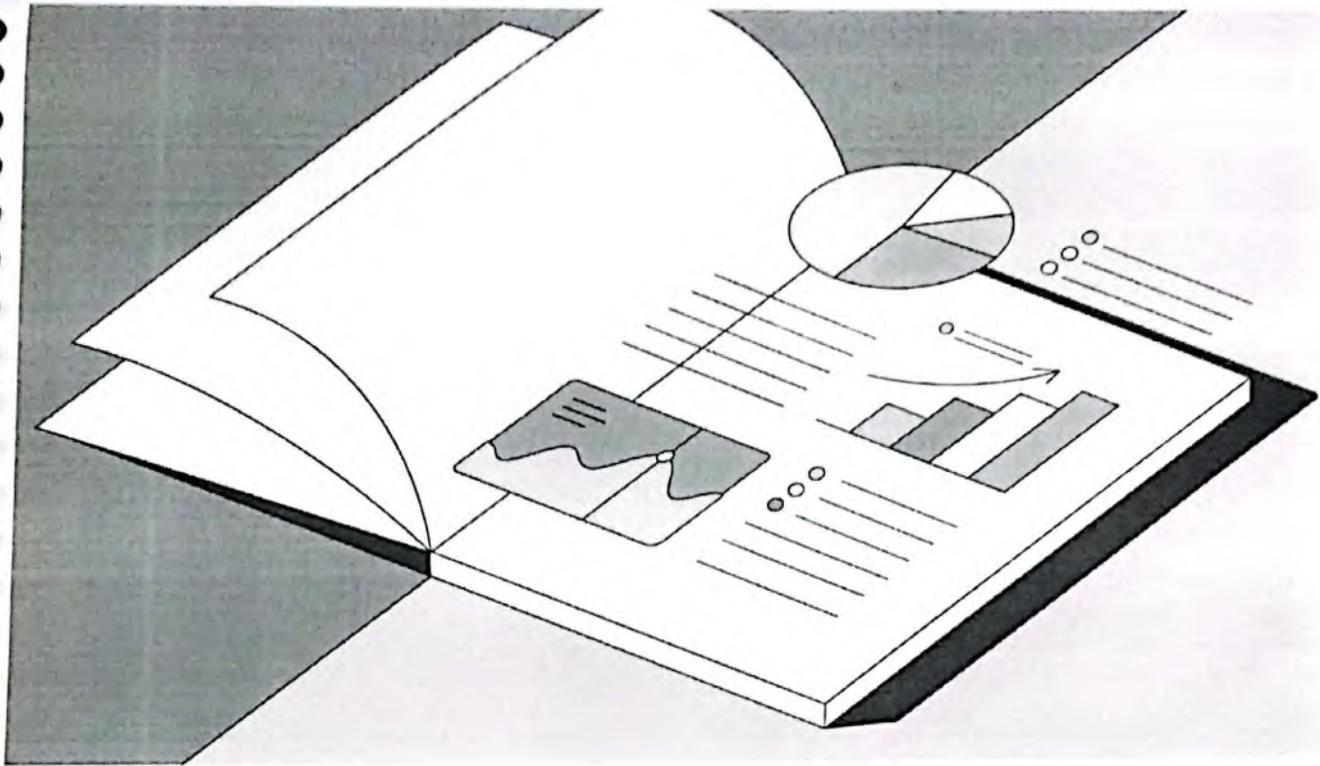
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội / *Environment-Social-Governance (ESG)* *Report of the Company*

- Số giờ trung bình cho nhân viên cấp quản lý, gián tiếp : 42h/năm.
- *Average training hours for management and indirect staff: 42 hours/year.*
- Số giờ đào tạo cho nhân viên trực tiếp sản xuất: 32h/năm.
- *Training hours for direct production staff: 32 hours/year.*
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: thường xuyên cung cấp các lớp đào tạo chuyên môn để phát triển tay nghề của nhân viên.
- *Skill development and continuous learning programs to support job security and career development: Regularly provide specialized training classes to enhance employee skills.*

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương / *Report on responsibility for local community:*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service: không / *none*

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN / *Report on green capital market activities under the guidance of the SSC: không / none*



III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

*Reports and
assessments of the
Board of
Management*

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
Assessment of operating results

Tình hình tài chính
Financial Situation

Cải tiến cơ cấu, tổ chức
*Improvements in organizational structure,
policies, and management*

Kế hoạch phát triển
Development plans in future

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội
*Assessment Report related to environmental
and social responsibilities of the Company*

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh / *Assessment of operating results*

Tổng quan về kết quả kinh doanh / *Overview of Business Results*

Nội dung <i>Content</i>	Kế hoạch <i>Plan</i>	Kỳ trước <i>Previous Period</i>	Kỳ này <i>Current Period</i>	So với kế hoạch <i>Compared to Plan</i>	So với kỳ trước <i>Compared to Previous Period</i>
Doanh thu thuần <i>Net Revenue</i>	380.00	406.10	297.77	-21.6%	-26.7%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit Before Tax</i>	20.00	16.50	4.14	-79.3%	-74.9%
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit After Tax</i>	11.00	12.10	4.61	-58.1%	-61.9%

Có thể thấy doanh thu và lợi nhuận đều giảm mạnh so với cùng kỳ và kế hoạch đề ra, một số nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm:

Both revenue and profit have dropped significantly compared to the same period and targets due to several key factors:

- Tăng giá nguyên liệu đầu vào: Phần lớn nguyên liệu sản xuất dược phẩm tại Việt Nam được nhập khẩu, đặc biệt từ Ấn Độ và Trung Quốc. Sự biến động về giá cả và nguồn cung từ các thị trường này đã ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, làm giảm biên lợi nhuận của các doanh nghiệp dược phẩm trong nước.

- Rising input material costs: Most pharmaceutical production materials in Vietnam are imported, especially from India and China. Price and supply fluctuations from these markets have impacted production costs, reducing the profit margins of domestic pharmaceutical companies.

- Cạnh tranh gia tăng trên thị trường: Sự xuất hiện của nhiều doanh nghiệp mới cùng với việc mở rộng hoạt động của các công ty hiện có đã làm tăng mức độ cạnh tranh trong ngành. Điều này dẫn đến áp lực về giá cả và thị phần, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp

- Increasing market competition: The emergence of many new companies, along with the expansion of existing firms' operations, has increased the level of competition in the industry. This has created pressure on pricing and market share, affecting the revenue and profitability of businesses.

- Sức mua giảm do kinh tế tăng trưởng chậm: Tăng trưởng kinh tế chậm lại đã ảnh hưởng đến thu nhập và chi tiêu của người dân. Người tiêu dùng có xu hướng thắt chặt chi tiêu, bao gồm cả việc mua sắm các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, dẫn đến giảm doanh thu cho ngành dược phẩm.

- Declining purchasing power due to slow economic growth: The slowdown in economic growth has affected people's income and spending. Consumers tend to tighten their budgets, including spending on healthcare products, leading to a decrease in revenue for the pharmaceutical industry.

- Ban Giám đốc có trách nhiệm trực tiếp trong việc lập kế hoạch, quản lý rủi ro, điều hành sản xuất kinh doanh và thích ứng với thay đổi của thị trường. Việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh cho thấy Ban Giám đốc đã thiếu tính chủ động, chưa có biện pháp quản trị rủi ro hiệu quả và chưa kịp thời đưa ra các chiến lược phù hợp để đối phó với những thay đổi từ thị trường và môi trường kinh tế.

- The Board of Directors has direct responsibility for business planning, risk management, business operations, and adapting to market changes. The failure to meet the business plan indicates that the Board of Directors lacked proactiveness, failed to implement effective risk management measures, and did not promptly introduce appropriate strategies to respond to market and economic environment changes.

Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

- Năm 2024, công ty tiến hành đẩy mạnh vận dụng nền tảng quản lý doanh nghiệp trực tuyến, bước đầu nắm bắt được phương hướng ứng dụng vận hành trong tương lai.

- In 2024, the company has actively promoted the adoption of an online enterprise management platform, initially gaining insight into the future direction of operational applications.

Tình hình tài chính / *Financial Situation*

➤ Tài sản / *Assets*

CHỈ TIÊU <i>Indicator</i>	Năm/Year 2023	Năm/Year 2024	Thay đổi / Change (%)
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN <i>CURRENT ASSETS</i>	871,634,988,487	864,618,517,088	-0.80%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and Cash Equivalents</i>	177,774,751	30,070,353,257	16814.86%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn <i>Short-term Financial Investments</i>	-	-	0.00%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn <i>Short-term Receivables</i>	823,320,765,507	791,573,245,318	-3.86%
4. Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	45,367,632,323	40,515,001,863	-10.70%
5. Tài sản ngắn hạn khác <i>Other Current Assets</i>	768,815,906	2,459,916,650	219.96%
II. TÀI SẢN DÀI HẠN <i>NON-CURRENT ASSETS</i>	154,739,188,027	144,227,264,985	-6.79%
1. Các khoản phải thu dài hạn <i>Long-term Receivables</i>	-	-	100.00%
2. Tài sản cố định <i>Fixed Assets</i>	82,670,186,569	117,562,293,466	42.21%
3. Tài sản dở dang dài hạn <i>Long-term Work in Progress</i>	67,852,376,257	20,793,677,278	-69.35%
4. Đầu tư tài chính dài hạn <i>Long-term Financial Investments</i>	2,754,000,000	2,754,000,000	0.00%
5. Tài sản dài hạn khác <i>Other Non-current Assets</i>	1,462,625,201	3,117,294,241	113.13%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN <i>TOTAL ASSETS</i>	1,026,374,176,514	1,008,845,782,073	-1.71%

- Nhìn chung tài sản biến động không nhiều, giảm chủ yếu do trong năm công ty chia cổ tức bằng tiền mặt 5% .

- *Overall, the assets did not fluctuate significantly, with the decrease mainly due to the company paying a 5% cash dividend during the year.*

- Nợ phải thu quá hạn vẫn là thách thức lớn. Tuy nhiên, công ty đã tiến hành trích lập dự phòng 36,833,997,384 đồng nhằm bù đắp tổn thất tiềm ẩn trong tương lai.

- *Overdue receivables remain a significant challenge. However, the company has made a provision of 36,833,997,384 VND to cover potential future losses.*

Tình hình tài chính / *Financial Situation*

➤ Nguồn vốn/ Resources

CHỈ TIÊU <i>Indicator</i>	Năm/Year 2023	Năm/Year 2024	Thay đổi / Change (%)
I. NỢ PHẢI TRẢ <i>LIABILITIES</i>	220,352,735,197	206,091,135,638	-6.93%
1. Nợ ngắn hạn <i>Short-term Liabilities</i>	202,352,735,197	187,091,135,638	-7.54%
2. Nợ dài hạn <i>Long-term Liabilities</i>	18,000,000,000	18,000,000,000	0.00%
II. VỐN CHỦ SỞ HỮU <i>OWNERS' EQUITY</i>	806,021,441,317	803,754,646,435	-0.28%
1. Vốn chủ sở hữu <i>Owners' Equity</i>	806,021,441,317	803,754,646,435	-0.28%
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác <i>Funds and Other Reserves</i>	-	-	0.00%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN <i>TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY</i>	1,026,374,176,514	1,008,845,782,073	-1.71%

- Nhìn chung, tình hình nợ phải trả có xu hướng tích cực nhờ vào việc giảm nợ vay ngắn hạn, qua đó giảm bớt áp lực tài chính và cải thiện khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty. Tuy nhiên, tài sản lưu động của công ty vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn vốn vay ngắn hạn (142,567,328,635 đồng). Điều này có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động của công ty khi lãi suất biến động, làm gia tăng chi phí tài chính và gây áp lực lên dòng tiền.

- Overall, the liability situation shows a positive trend thanks to the reduction in short-term debt, which helps ease financial pressure and improve the company's short-term liquidity. However, the company's current assets still rely heavily on short-term borrowings (142,567,328,635 VND). This could significantly affect the company's operations when interest rates fluctuate, increasing financial costs and putting pressure on cash flow.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý / *Improvements in organizational structure, policies, and management.*

- ❖ Công ty tiến hành tái cấu trúc bộ máy theo hướng trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo, chú trọng chất lượng lao động, đồng thời với việc khuyến khích lao động năng suất cao bằng cách tăng chi phí cho lao động theo đơn vị sản phẩm.
- ❖ *The company is restructuring its organization toward rejuvenating the leadership team and focusing on labor quality. At the same time, it encourages high labor productivity by increasing labor costs per unit of product*
- ❖ Bên cạnh đó là đẩy mạnh áp dụng công nghệ hoặc các giải pháp công nghệ mới nhằm tăng năng xuất lao động, giảm hoặc loại bỏ lãng phí các công đoạn trung gian một cách triệt để.
- ❖ *Additionally, the company is promoting the adoption of new technologies and technological solutions to increase labor productivity and thoroughly reduce or eliminate waste in intermediate processes.*
- ❖ Phát triển thêm các sản phẩm, dịch vụ có biên lợi nhuận cao để tăng doanh thu và lợi nhuận. Đa dạng hóa thị trường và khách hàng để tránh phụ thuộc vào một thị trường hoặc đối tác duy nhất, từ đó giảm thiểu rủi ro mất cân đối dòng tiền
- ❖ *Develop additional high-margin products and services to increase revenue and profit. Diversify markets and customers to avoid dependence on a single market or partner, thereby minimizing the risk of cash flow imbalance.*

Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in future*

Đưa vào hoạt động sản xuất thuốc chích / *Introduce injectable drug production*

- Nghiên cứu và đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc chích theo tiêu chuẩn GMP.

Research and invest in injectable drug production lines meeting GMP standards.

- Đào tạo đội ngũ chuyên môn về sản xuất, kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học.

Train a professional team for production, quality control, and biosafety.

- Phát triển danh mục thuốc chích đa dạng, tập trung vào các nhóm sản phẩm có nhu cầu cao như kháng sinh, giảm đau và tăng cường miễn dịch.

Develop a diverse portfolio of injectable drugs, focusing on high-demand products such as antibiotics, pain relievers, and immune boosters.

Phát triển sản phẩm mới về hỗ trợ sức khỏe và làm đẹp / *Develop new products for health and beauty support.*

- Tập trung nghiên cứu các dòng sản phẩm hỗ trợ sức khỏe như thực phẩm chức năng, vitamin, và sản phẩm tăng cường sức đề kháng.

Focus on researching health support products such as supplements, vitamins, and immune-boosting products.

- Đẩy mạnh các sản phẩm làm đẹp có thành phần tự nhiên, an toàn, phù hợp xu hướng tiêu dùng hiện đại.

Promote beauty products with natural, safe ingredients that align with modern consumer trends.

- Hợp tác với các chuyên gia trong lĩnh vực dinh dưỡng và làm đẹp để phát triển công thức sản phẩm độc quyền.

Collaborate with experts in nutrition and beauty to develop exclusive product formulas.

Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in future*

Phát triển kênh khách hàng mới chuyên cung cấp hàng gia công

- Thiết lập quan hệ hợp tác với các nhà phân phối dược phẩm trong và ngoài nước để nhận đơn hàng gia công.

Establish partnerships with pharmaceutical distributors locally and internationally to secure contract manufacturing orders.

- Xây dựng quy trình sản xuất linh hoạt, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn của đối tác.

Develop a flexible production process to meet partners' standards.

- Cung cấp dịch vụ trọn gói từ nghiên cứu công thức, sản xuất đến đóng gói và vận chuyển.

Offer full-service solutions from formula development to production, packaging, and delivery.

Đẩy mạnh các chương trình marketing về thương hiệu

- Xây dựng chiến lược marketing đa kênh bao gồm truyền hình, website và mạng xã hội.

Create a multi-channel marketing strategy including television, website, and social media.

- Hợp tác với các KOL (Key Opinion Leaders) và influencer để quảng bá thương hiệu.

Collaborate with KOLs (Key Opinion Leaders) and influencers to promote the brand.

- Đầu tư vào chiến dịch quảng cáo sáng tạo, kết hợp yếu tố truyền thống và công nghệ số để tiếp cận đúng đối tượng khách hàng.

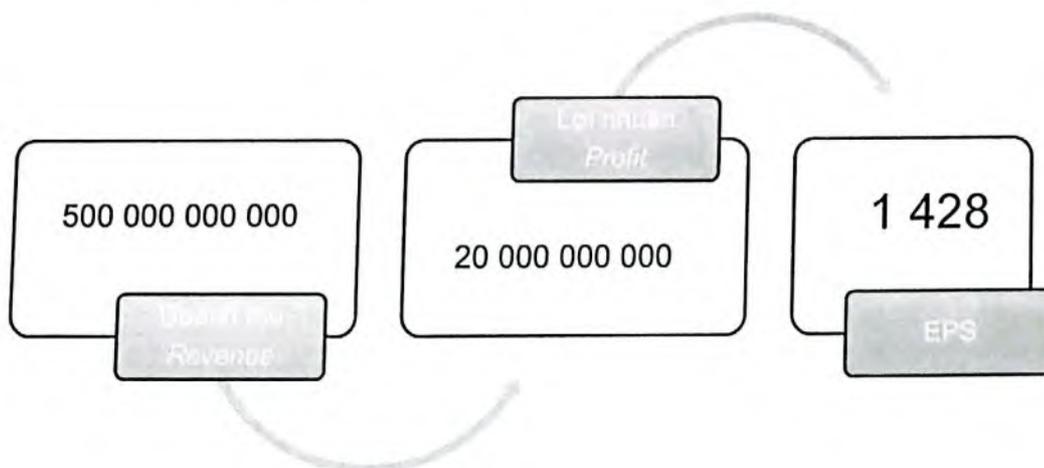
Invest in creative advertising campaigns combining traditional and digital elements to reach the right target audience.

- Thực hiện các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng để tăng sự trung thành và độ nhận diện thương hiệu.

Implement promotional and customer care programs to increase brand loyalty and recognition.

Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in future*

Kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2025:



* Kế hoạch này là bản ghi nhớ của ban Giám đốc công ty phục vụ cho công tác điều hành, có thể được điều chỉnh thông qua Đại hội cổ đông thường niên

This plan is a memorandum of the company's Board of Directors for operational management purposes and may be adjusted through the Annual General Meeting of Shareholders.

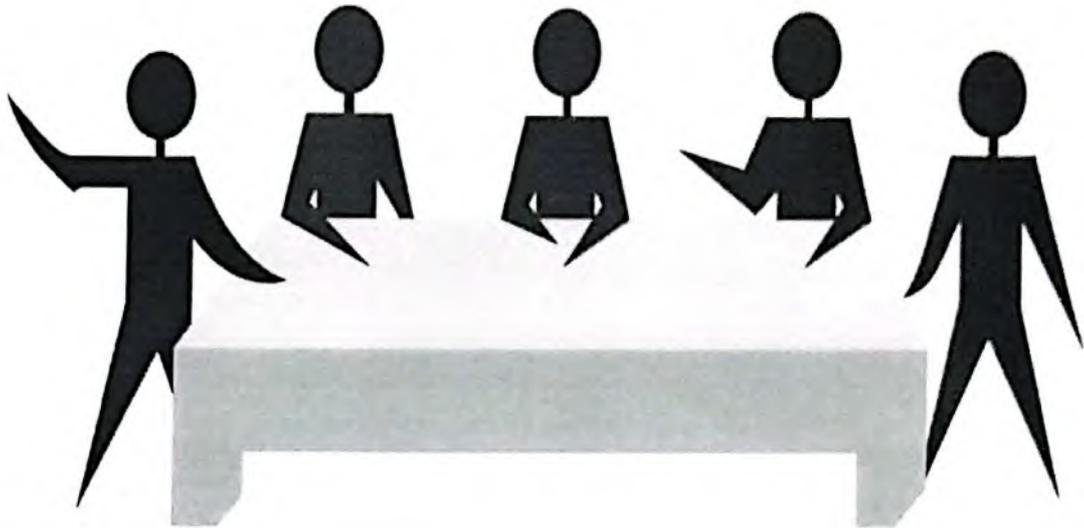
Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán / *Explanation of the Board of Management for auditor's opinions*

Không có / none

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty / *Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

Đối với môi trường <i>the environment</i>	Sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, nước và nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh <i>Efficient and economical use of energy, water, and raw materials in business and production activities.</i>
	Tuân thủ pháp luật về môi trường, xử lý chất thải <i>Comply with environmental laws and manage waste disposal.</i>
Đối với người lao động <i>For employees</i>	Tuân thủ chính sách đối với người lao động về môi trường làm việc, giờ làm việc, lương thưởng và bảo hiểm <i>Comply with employee policies regarding working environment, working hours, salaries, bonuses, and insurance.</i>
	Tổ chức đào tạo hàng tháng/quý cho bộ phận sản xuất <i>Organize monthly/quarterly training sessions for the production department.</i>
Đối với cộng đồng địa phương <i>For the local community</i>	Luôn ủng hộ các chính sách của địa phương <i>Always support local policies</i> Tham gia ủng hộ địa phương xử lý các vấn đề về môi trường, xã hội, các chương trình từ thiện <i>Participate in supporting the local community in addressing environmental and social issues, as well as charitable programs.</i>





**IV. ĐÁNH GIÁ
CỦA HĐQT VỀ
HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY**

*Assessments of
the BOD on the
Company's
operation*

Đánh giá các mặt hoạt
động của công ty

*Assessments of the Board
of Directors on the
Company's operation*

Đánh giá hoạt động của
Ban giám đốc

*Assessment of BOD on
Board of Management's
performance*

Kế hoạch, định hướng
hoạt động

*Plans and orientations of
the Board of Directors*

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

Assess various aspects of the company's operations

- ❖ Do tình hình kinh tế năm 2024, với lạm phát khiến giá cả đầu vào tăng nhanh chóng, trong khi đặc thù của ngành dược là không thể điều chỉnh giá bán ra theo biến động của thị trường, công ty đã gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước tình hình đó, Hội đồng Quản trị đã quyết định điều chỉnh các kế hoạch kinh doanh để phù hợp hơn với thực tế, nhằm đảm bảo sự ổn định và duy trì hoạt động của công ty trong giai đoạn khó khăn này. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực của toàn thể nhân viên công ty trong việc thích ứng với điều kiện kinh doanh đầy thách thức, đồng thời ghi nhận những mặt tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện qua các kết quả đạt được trong năm tài chính.
- ❖ Bên cạnh việc tập trung vào sản xuất và kinh doanh để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và toàn thể nhân viên, công ty vẫn luôn duy trì và thực hiện đầy đủ trách nhiệm với môi trường và xã hội theo đúng các quy định của Nhà nước.
- ❖ *Due to the economic situation in 2024, with inflation causing a rapid increase in input costs, while the pharmaceutical industry's nature prevents adjusting selling prices according to market fluctuations, the company has faced many difficulties in production and business activities. In response to this situation, the Board of Directors has decided to adjust business plans to better align with reality, ensuring the stability and continuity of the company's operations during this challenging period. However, the Board of Directors highly appreciates the efforts of all company employees in adapting to the challenging business conditions and recognizes the positive aspects of production and business activities, as reflected in the results achieved during the fiscal year.*
- ❖ *In addition to focusing on production and business operations to protect the interests of shareholders and all employees, the company consistently upholds and fulfills its environmental and social responsibilities in compliance with State regulations.*

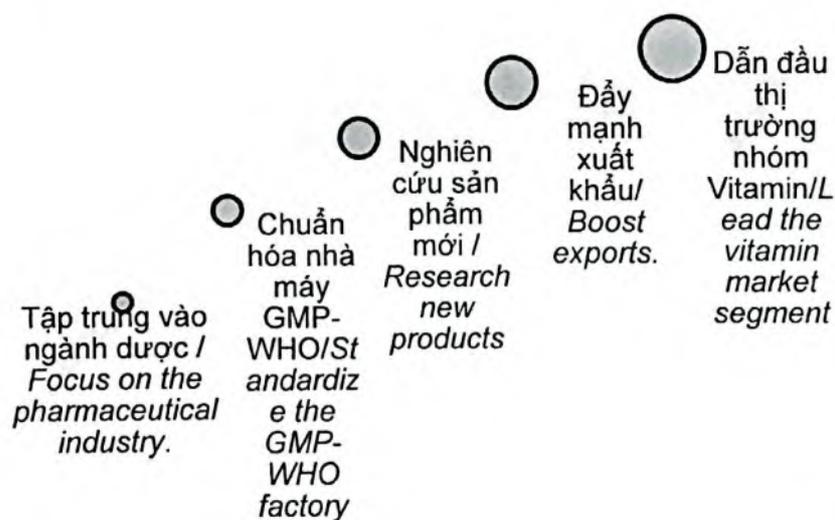
Đánh giá hoạt động của ban giám đốc

Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

- ❖ Mặc dù công ty đang trải qua giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng từ tình hình chung của nền kinh tế thế giới, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực duy trì hoạt động, đưa ra các định hướng và điều hành kịp thời, chính xác để đảm bảo công ty vận hành hiệu quả nhất trong điều kiện các nguồn lực có hạn.
- ❖ Công ty đã từng bước hoàn thiện hệ thống kiểm soát, đẩy mạnh chuyển đổi số và tái cấu trúc bộ máy nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Sự chủ động và tinh thần trách nhiệm của từng phòng ban đã được phát huy, tạo nền tảng vững chắc để tiến tới hoàn thành các mục tiêu chung của công ty
- ❖ *Although the company is going through a challenging period due to the impact of the global economic situation, the Executive Board has made great efforts to maintain operations, providing timely and accurate guidance and management to ensure the company operates as efficiently as possible under limited resources.*
- ❖ *The company has gradually improved its control systems, accelerated digital transformation, and restructured the organizational framework to enhance operational efficiency. The proactiveness and sense of responsibility of each department have been promoted, creating a solid foundation to move toward achieving the company's overall objectives.*

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Plans and orientations of the Board of Directors





V. QUẢN TRỊ CÔNG TY <i>Corporate governance</i>	Hội đồng quản trị <i>Board of Directors</i>
	Ban kiểm soát <i>Supervisory Board</i>
	Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của thành viên HĐQT <i>Transactions, remuneration, and benefits of Board of Directors members</i>

Hội đồng quản trị / *Board of Directors*

Thành viên và cơ cấu của HĐQT / *Members of the Board of Directors*

Đào Hữu Hoàng

- Chủ tịch HĐQT / *Chairman of the Board of Directors*
- Điều hành / *Management*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership: 44.27% (tại/at 31/12/2024)*

Nguyễn Thế Kỳ

- Thành viên HĐQT / *Board member (thôi là thành viên HĐQT từ / Not a Board member since : 28/06/2024)*
- Điều hành / *Management*
 - Phó giám đốc / *Vice Director*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership: 0.21% (tại /at31/12/2024)*

Đỗ Thị Mai

- Thành viên HĐQT / *Board member*
- Không điều hành / *Non-executive*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership: 7.14 % (tại 31/12/2024)*

Hội đồng quản trị / *Board of Directors*

Thành viên và cơ cấu của HĐQT / *Members of the Board of Directors*

Đào Hữu Hoàng Vũ

- Thành viên HĐQT / *Board member* (từ ngày / *since* 28/06/2024)
- Không điều hành / *Non-executive*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership*: 12.64 % (tại 31/12/2024)

Đào Hữu Khôi

- Thành viên HĐQT / *Board member*
- Không điều hành / *Non-executive*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership*: 2.93% (31/12/2024)

Nguyễn Hoàng Hà

- Thành viên HĐQT / *Board member*
- Thành viên độc lập, không điều hành / *Independent, non-executive member*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership*: 0% (31/12/2024)

Hoạt động của HĐQT / *Activities of the Board of Directors*

- ❖ Trong năm HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thông qua các nghị quyết quan trọng nhằm chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban giám đốc, phục vụ chiến lược phát triển của Công ty.

During the year, the Board of Directors held meetings and passed important resolutions to direct and oversee the activities of the Executive Board, supporting the company's development strategy.

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
1	0301/2024/NQ-HĐQT	03/01/2024	Nghị quyết về triển khai triển khai chiến lược bán hàng; kế hoạch mục tiêu năm 2024. <i>Resolution on the Implementation of the Sales Strategy and 2024 Goals</i>	100%
2	0403/2024/NQ-HĐQT	04/03/2024	Triển khai thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh trong tình hình bán vào kênh Bảo hiểm khó khăn, lãi suất có xu hướng tăng. <i>Implement the business strategy in the context of challenges in selling through the insurance channel and rising interest rates</i>	100%
3	0705/NQHĐQT-2024	07/05/2024	Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2024. <i>Approve the plan to organize the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
4	2806-2/SPMNQ	28/06/2024	Thông qua bầu cử Ông Đào Hữu Hoàng làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029. <i>Approve the election of Mr. Dao Huu Hoang as Chairman of the Board of Directors for the 2024–2029 term.</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate
5	111124- 1/NQHDQT-2024	11/11/2024	Thông qua việc chia cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt và ngày cuối cùng thực hiện quyền chia cổ tức. <i>Approve the distribution of 2023 dividends in cash and the final date for exercising dividend distribution rights.</i>	100%
6	1512/2024/NQHĐ QT	15/12/2024	Triển khai và ứng dụng AI vào sản xuất, Implement and apply <i>AI in production and business activities. kinh doanh.</i>	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập / *Activities of the Board of Directors' independent members*

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị / *Activities of the Board of Directors' subcommittees*

- ❖ Công ty không thành lập các tiểu ban. Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực chuyên môn để tham vấn cho HĐQT trước khi đưa ra các nghị quyết, quyết định. Với trách nhiệm của mình, các thành viên đã tham gia đầy đủ và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- ❖ Công ty có thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ và biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông.

The company has not established any subcommittees. Board members are specifically assigned to different areas of expertise to provide consultation to the Board of Directors before issuing resolutions and decisions. In fulfilling their responsibilities, the members have fully participated and voted on matters within the Board's authority.

The company has independent Board members who actively participate and vote to ensure the legitimate rights of shareholders.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty / *The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance: không / none*

Ban kiểm soát / Board of Supervisors

Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát / Members and structure of the Board of Supervisors

Dương Nguyễn Trường Huy

- Thành viên / Member
- Ngày bổ nhiệm / Appointment date: 30/06/2017
- Cử nhân kế toán / Bachelor of Accounting
- Sở hữu cổ phiếu / Shares owned: 0% (tại / at 31/12/2024)

Ôn Ngọc Lan

- Thành viên / Member
- Ngày bổ nhiệm / Appointment date.: 10/12/2011
- Cử nhân kế toán / Bachelor of Accounting
- Sở hữu cổ phiếu / Shares owned: 0% (tại / at 31/12/2024)

Bùi Công Sơn

- Trưởng ban / Head of the Supervisory Board
- Ngày bổ nhiệm / Appointment date: 30/06/2021
- Cử nhân kế toán / Bachelor of Accounting
- Sở hữu cổ phiếu / Shares owned: 0% (tại / at 31/12/2024)

Các cuộc họp của ban kiểm soát / Meetings of Board of Supervisors

STT No.	Thành viên BKS Members of Board of Supervisors/ Audit Committee	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Bà/Ms Ôn Ngọc Lan	2	100%	100%	
2	Ông/Mr Dương Nguyễn Trường Huy	2	100%	100%	
3	Ông/Mr Bùi Công Sơn	2	100%	100%	

Ban kiểm soát / *Board of Supervisors*

Hoạt động của ban kiểm soát / *Activities of the Board of Supervisors*

- ✓ **Kiểm soát mục tiêu, chiến lược:** theo sát kế hoạch, mục tiêu đã đề ra nhằm đảm bảo kết quả Doanh thu – lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra.
 - ✓ **Kiểm soát thông tin:** Theo dõi nắm bắt tình hình, Công bố thông tin kịp thời, minh bạch tránh gây ảnh hưởng tới cổ đông nhỏ.
 - ✓ **Kiểm soát tài chính:** Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý để đánh giá tính hợp lý của các số liệu kế toán, kết hợp với các Kiểm toán viên độc lập nhằm xem xét các yếu tố ảnh hưởng quan trọng trong báo cáo Tài chính. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về quản lý khoản đầu tư tài chính.
 - ✓ **Đánh giá:** Nhìn chung, Ban lãnh đạo SPM đã kết hợp khá tốt trong công tác quản lý và thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Các báo cáo tài chính quý, bán niên, thường niên đều phản ánh các con số trung thực và hợp lý phù hợp với các chuẩn mực Kế toán tại Việt nam và các quy định pháp lý liên quan.
- * ***Objective and Strategy Control:*** Monitor the set plans and goals to ensure revenue and profit targets are met.
 - * ***Information Control:*** Track and disclose information promptly and transparently to avoid negative impacts on minority shareholders.
 - * ***Financial Control:*** Review quarterly financial reports for accuracy, working with independent auditors to assess key financial factors and ensure compliance with financial investment management regulations.
 - * ***Evaluation:*** Overall, SPM's management has performed well in managing and driving business operations. Financial reports (quarterly, semi-annual, and annual) accurately reflect the company's performance according to Vietnamese accounting standards and legal regulations.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát /
Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích / *Salary, bonus, remuneration, and benefits*

Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Năm / year 2024 (VND)
Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>	746,300,000
Nguyễn Thế Kỳ	PGD chuyên môn <i>Vice Director</i>	245,870,000
Nguyễn Thế Quyền	Tổng giám đốc <i>General Director</i>	387,100,000
Bùi Công Sơn	Ban kiểm soát <i>Head of the Supervisory Board</i>	267,105,000

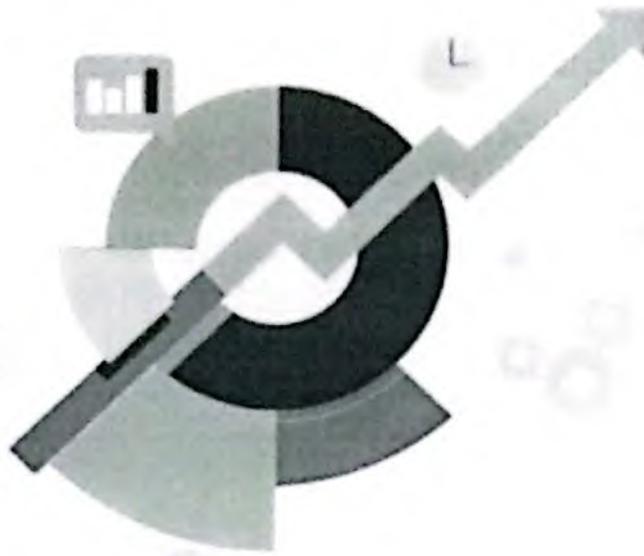
➤ Năm 2024, không có các khoản thù lao hoặc lợi ích khác. Chỉ có lương, thưởng cho các cá nhân trực tiếp điều hành Công ty
In 2024, there were no remuneration or other benefits. Only salaries and bonuses were provided to individuals directly managing the company

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ / *Share transactions by internal shareholders: không /none*

Hợp đồng giao dịch với người nội bộ / *Contracts or transactions with internal shareholders: không /none*

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty / *Assessing the implementation of regulations on corporate governance*

- ✓ Tuy vẫn còn hạn chế trong cơ cấu nhân sự, đáp ứng các chỉ tiêu về tính độc lập cần phải khắc phục trong thời gian tới. Nhìn chung, bộ máy quản lý và quản trị của Công ty được xem là hợp lý, đáp ứng nhu cầu quản trị và vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- ✓ *Despite some limitations in the organizational structure and independence criteria, which need to be addressed, the company's management and governance system is generally reasonable and meets operational and business needs*



VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH <i>Financial statements</i>	Báo cáo của Ban giám đốc <i>Executive Board Report</i>
	Ý kiến kiểm toán <i>Auditor's opinions</i>
	Cân đối kế toán <i>Balance sheet</i>
	Kết quả kinh doanh <i>Income statement</i>
	Lưu chuyển tiền tệ <i>Cash flow statement</i>
	Thuyết minh báo cáo tài chính <i>Financial Statements Explanation</i>

Báo của ban tổng giám đốc / *Executive Board Report*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

The Executive Board of S.P.M Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") presents its report along with the financial statements for the fiscal year ended December 31, 2024.

Khái quát về Công ty / *Company Overview*

Công ty Cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 14 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

S.P.M Joint Stock Company operates under Business Registration Certificate No. 0302271207, initially registered on March 26, 2001, and amended for the 21st time on September 14, 2022, issued by the Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SPM.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange under the ticker symbol SPM

Trụ sở chính / *Head Office*

Địa chỉ / Address Lô số 51 KCN Tân Tạo, Đường số 2, P.Tân Tạo A, Q.Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
Lot No. 51, Tan Tao Industrial Park, Street No. 2, Tan Tao A Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City

Điện thoại / Phone (84-28) 37 507 496

Fax (84-28) 38 771 010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4 – C8 Bửu Long, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

The Company has a representative office at C4 – C8 Buu Long, Ward 15, District 10, Ho Chi Minh City

Báo của ban tổng giám đốc / *Executive Board Report*

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là / *The Company's main business activities are:*

- Sản xuất dược phẩm / *Manufacturing pharmaceuticals*
- Mua bán thực phẩm. Bán buôn thực phẩm chức năng / *Trading food products. Wholesale of functional foods*
- Bán lẻ nguyên liệu sản xuất các mặt hàng máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động; máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động (không hoạt động tại trụ sở) / *Retail of raw materials for manufacturing medical equipment, face masks, gloves, protective gear; medical equipment, face masks, gloves, protective gear (not operating at the head office)*
- Bán lẻ thuốc (không hoạt động tại trụ sở) / *Retail of medicines (not operating at the head office)*
- Sản xuất thực phẩm chức năng / *Manufacturing functional foods*

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý / *Board of Directors and Executive Management*

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Members of the Board of Directors and Executive Management of the Company during the year and up to the date of this report include:

Hội đồng quản trị / *Board of Directors*

Họ và tên / <i>Full name</i>	Chức vụ / <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm / <i>Date of appointment/reappointment/dismissal</i>
Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch / <i>Chairman</i>	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 / <i>Reappointed on June 28, 2024</i>
Đỗ Thị Mai	Thành viên / <i>Member</i>	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2024 / <i>Reappointed on June 28, 2024</i>
Đào Hữu Hoàng Vũ	Thành viên / <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 / <i>Appointed on June 28, 2024</i>
Đào Hữu Khôi	Thành viên / <i>Member</i>	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 / <i>Reappointed on June 26, 2024</i>
Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên / <i>Member</i>	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 / <i>Dismissed on June 28, 2024</i>
Nguyễn Hoàng Hà	Thành viên / <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022 / <i>Appointed on June 28, 2022</i>

Báo của ban tổng giám đốc / *Executive Board Report*

Ban kiểm soát / *Supervisory Board*

Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of Appointment</i>
Bùi Công Sơn	Trưởng ban Head	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021 Appointed on June 30, 2021
Ôn Ngọc Lan	Thành viên Member	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002 Appointed on December 10, 2002
Dương Nguyễn Trường Huy	Thành viên Member	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017 Appointed on June 30, 2017

Ban giám đốc / *Board of Directors*

Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of Appointment/Dismissal</i>
Nguyễn Thế Quyền	Tổng Giám đốc <i>General Director</i>	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022 <i>Appointed on September 15, 2022</i>
Nguyễn Thế Kỳ	Phó Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022 <i>Appointed on September 15, 2022</i>

Đại diện pháp luật / *Legal Representative*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

The Company's legal representative during the year and up to the date of this report is as follows:

Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of Appointment/Dismissal</i>
Nguyễn Thế Quyền	Quyền Tổng Giám đốc <i>Acting General Director</i>	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022 <i>Appointed on September 15, 2022</i>

Báo của ban tổng giám đốc / *Executive Board Report*

Kiểm toán viên / *Auditor*

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to audit the Financial Statements for the fiscal year ended December 31, 2024 of the Company.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc / *Responsibilities of the Board of General Directors*

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

The Board of General Directors is responsible for preparing the financial statements that present a true and fair view of the financial position, business performance, and cash flows of the Company for the year. In preparing these financial statements, the Board of General Directors must:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Select appropriate accounting policies and apply them consistently;

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Make reasonable and prudent judgments and estimates;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;

State whether applicable accounting standards have been followed and disclose and explain any material departures in the financial statements.

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;

Prepare the financial statements on a going concern basis unless it is inappropriate to assume that the Company will continue its operations;

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Establish and maintain an effective internal control system to reduce the risk of material misstatements due to fraud or error in the preparation and presentation of the financial statements.

Báo của ban tổng giám đốc / *Executive Board Report*

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

The Board of General Directors ensures that appropriate accounting records are fully maintained to reflect the Company's financial position with reasonable accuracy at any given time and that the accounting records comply with the applicable accounting regulations. The Board of General Directors is also responsible for managing the Company's assets and has therefore implemented appropriate measures to prevent and detect fraud and other violations.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

The Board of General Directors confirms that it has complied with the above requirements in preparing the Financial Statements.

Phê duyệt Báo cáo tài chính / *Approval of Financial Statements*

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

The Executive Board has approved the attached Financial Statements. The Financial Statements present fairly and accurately the financial position of the Company as of December 31, 2024, as well as the results of its business operations and cash flows for the financial year ended on the same date, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.

Thay mặt ban tổng giám đốc

Tổng giám đốc



Nguyễn Thế Quyền

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Ý kiến kiểm toán /Auditor's opinions

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

Kính gửi/To: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M
THE SHAREHOLDERS, BOARD OF DIRECTORS, AND EXECUTIVE
BOARD OF S.P.M JOINT STOCK COMPANY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

We have audited the accompanying financial statements of S.P.M Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company"), prepared on March 28, 2025, from page 05 to page 35, including the balance sheet as of December 31, 2024, the income statement, the cash flow statement for the financial year ended on the same date, and the notes to the financial statements.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc / Responsibility of the Executive Board

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

The Executive Board is responsible for the preparation and fair presentation of the Company's financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements. The Executive Board is also responsible for internal controls that it determines to be necessary to ensure that the preparation and presentation of the financial statements are free from material misstatements, whether due to fraud or error

Ý kiến kiểm toán /Auditor's opinions

Trách nhiệm của Kiểm toán viên / Auditor's Responsibility

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Our responsibility is to express an opinion on the financial statements based on the results of the audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese auditing standards. These standards require us to comply with professional ethical standards and regulations, plan, and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Company's financial statements are free from material misstatement.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

The audit work includes performing procedures to obtain audit evidence about the figures and disclosures in the financial statements. The audit procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement in the financial statements due to fraud or error. In assessing these risks, the auditor considers the Company's internal control relevant to the preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures appropriate to the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. The audit work also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

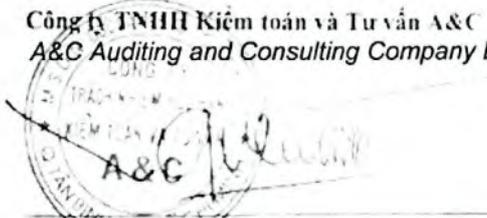
Ý kiến kiểm toán / Auditor's opinions

Ý kiến của Kiểm toán viên / Auditor's Opinion

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần S.P.M tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of S.P.M Joint Stock Company as at December 31, 2024, as well as its financial performance and cash flows for the financial year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and the relevant legal regulations applicable to the preparation and presentation of financial statements.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
A&C Auditing and Consulting Company Limited



Hoàng Thái Vương
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2129-2023-008-1
Người được ủy quyền
Tp Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Phan Vũ Công Bá
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0197-2023-008-1

Báo cáo tài chính / Audited financial statements

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

BALANCE SHEET

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

At December 31, 2024

Đơn vị tính: VNĐ - Unit: VND

TÀI SẢN ASSETS	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối kỳ Closing Balance	Số đầu năm Beginning Balance
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN <i>CURRENT ASSETS</i>	100		864,618,517,088	871,634,988,487
I. Tiền và các khoản trong đơng tiền <i>Cash and cash equivalents</i>	110		30,070,353,257	177,774,751
1. Tiền <i>Cash</i>	111	V.1	30.070.353.257	177.774.751
2. Các khoản trong đơng tiền <i>Cash equivalents</i>	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn <i>Short-term financial investment</i>	120		-	2.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh <i>Trade securities</i>	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh <i>Provision for devaluation of trade securities</i>	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn <i>Investments to maturity</i>	123	V.2a	-	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn <i>Short-term accounts receivable</i>	130		791,573,245,318	823,320,765,507
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng <i>Short-term trade accounts receivable</i>	131	V.3	759.796.250.131	793.950.130.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn <i>Short-term prepayments to suppliers</i>	132	V.4	35.099.205.509	16.056.733.833
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn <i>Short-term loan receivables</i>	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác <i>Short-term other receivables</i>	136	V.5	33.511.787.062	38.972.734.816
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi <i>Provisions for bad short-term receivables</i>	137	V.6	(36.833.997.384)	(25.658.833.744)
IV. Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	140		40,515,001,863	45,367,632,323
1. Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	141	V.7	41.617.936.964	47.029.604.495
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho <i>Provisions for devaluation of inventories</i>	149	V.7	(1.102.935.101)	(1.661.972.172)
V. Tài sản ngắn hạn khác <i>Other current assets</i>	150		2,459,916,650	768,815,906
1. Chi phí trả trước ngắn hạn <i>Short-term prepaid expenses</i>	151	V.8a	288.994.470	248.992.296
2. Thuế GTGT được khấu trừ <i>VAT to be deducted</i>	152		80.197.844	519.823.610
3. Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước <i>Taxes and other accounts receivable from the State</i>	153	V.15	2.090.724.336	-
4. Tài sản ngắn hạn khác <i>Other current assets</i>	155		-	-

TÀI SẢN ASSETS	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối kỳ Closing Balance	Số đầu năm Beginning Balance
B - TÀI SẢN DÀI HẠN LONG-TERM ASSETS	200		144,227,264,985	154,739,188,027
I. Các khoản phải thu dài hạn Long-term accounts receivables	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng <i>Long-term trade accounts receivable</i>	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn <i>Long-term loan receivables</i>	215		-	-
3. Phải thu dài hạn khác <i>Other long-term receivable</i>	216		-	-
II. Tài sản cố định Fixed Assets	220		117,562,293,466	82,670,186,569
1. Tài sản cố định hữu hình <i>Tangible fixed assets</i>	221	V.9	112.745.716.387	78.133.116.965
Nguyên giá <i>Cost</i>	222		324.824.169.127	277.559.441.580
Giá trị hao mòn lũy kế <i>Accumulated depreciation</i>	223		(212.078.452.740)	(199.426.324.615)
2. Tài sản cố định vô hình <i>Intangible fixed assets</i>	227	V.10	4.816.577.079	4.537.069.604
Nguyên giá <i>Cost</i>	228		9.125.837.378	8.603.940.878
Giá trị hao mòn lũy kế <i>Accumulated depreciation</i>	229		(4.309.260.299)	(4.066.871.274)
III. Bất động sản đầu tư Investment property	230		-	-
1. Nguyên giá <i>Cost</i>	231		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế <i>Accumulated depreciation</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn Construction in progress	240		20,793,677,278	67,852,376,257
1. Chi sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn <i>Long-term work-in-process</i>	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang <i>Construction in progress</i>	242	V.11	20.793.677.278	67.852.376.257
V. Đầu tư tài chính dài hạn Long-term investments	250		2,754,000,000	2,754,000,000
1. Đầu tư vào công ty con <i>Investments in associates</i>	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết <i>Investments in business concerns and joint ventures</i>	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <i>Capital contribution</i>	253	V.2b	2.754.000.000	2.754.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	260		3,117,294,241	1,462,625,201
1. Chi phí trả trước dài hạn <i>Long-term prepaid expenses</i>	261	V.8b	2.565.095.656	1.440.328.858
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại <i>Deferred income tax assets</i>	262	V.12	552.198.585	22.296.343
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn <i>Equipment, supplies replacement</i>	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN TOTAL ASSETS	270		1,008,845,782,073	1,026,374,176,514

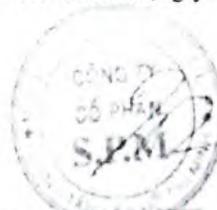
NGUỒN VỐN RESOURCES	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối kỳ Closing Balance	Số đầu năm Beggining Balance
C - NỢ PHẢI TRẢ LIABILITIES	300		205,091,135,638	220,352,735,197
I. Nợ ngắn hạn Current liabilities	310		187,091,135,638	202,352,735,197
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn <i>Short-term trade accounts payables</i>	311	V.13	25.860.944.547	19.865.185.772
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn <i>Short-term advances from customers</i>	312	V.14	8.949.674.803	8.707.441.366
3. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước <i>Taxes and other payable to the State budget</i>	313	V.15	344.240.385	359.377.140
4. Phải trả người lao động <i>Payable to employees</i>	314	V.16	3.464.701.523	3.154.598.255
5. Chi phí phải trả ngắn hạn <i>Short-term accrued expenses</i>	315	V.17	943.856.399	743.120.432
6. Phải trả ngắn hạn khác <i>Other short-term payables</i>	319	V.18a	4.960.389.346	8.276.195.285
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn <i>Borrowings and short-term finance lease liabilities</i>	320	V.19	142,567,328,635	161,246,816,947
II. Nợ dài hạn Long-term liabilities	330		18,000,000,000	18,000,000,000
1. Phải trả dài hạn khác <i>Other long-term liabilities</i>	337	V.18b	18.000.000.000	18.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn <i>Long-term borrowing and financial leases</i>	338		-	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả <i>Deferred income tax payable</i>	341		-	-

NGUỒN VỐN RESOURCES	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối kỳ Closing Balance	Số đầu năm Beginning Balance
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU OWNERS' EQUITY	400		803,754,646,435	806,021,441,317
I. Vốn chủ sở hữu Owners' equity	410		803,754,646,435	806,021,441,317
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu Owners' capital	411	V.20	140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết Ordinary shares with voting rights	411a		140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi Preferred shares	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần Share surplus	412	V.20	210,885,368,500	210,885,368,500
3. Cổ phiếu ngân quỹ Treasury shares	415	V.20	(10,036,370,000)	(10,036,370,000)
4. Lợi nhuận chưa phân phối Undistributed earnings	421	V.20	462,905,647,935	465,172,442,817
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước Undistributed profits accrued to the previous	421a		458,287,442,817	465,172,442,817
- LNST chưa phân phối kỳ này Undistributed profit this period	421b		4,618,205,118	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác Budget sources and other funds	430		-	-
1. Nguồn kinh phí Budget sources	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ Funds to form fixed assets	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN TOTAL LIABILITIES	440		<u>1,008,845,782,073</u>	<u>1,026,374,176,514</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Võ Thanh Nhân
Người lập/Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Quyền
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

INCOME STATEMENT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
For the financial year ended December 31, 2024

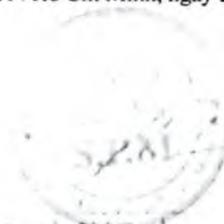
Đơn vị tính: VND - Unit: VND

CHỈ TIÊU ITEMS	Mã số Code	Thuyết minh Note	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Accum from beginning of year to the end of period	
			Năm nay Current year	Năm trước Previous year
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Sales</i>	01	VI.1	348,984,734,523	461,031,858,201
2. Các khoản giảm trừ <i>Deductions</i>	02	VI.2	51,209,708,102	54,927,005,848
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net sales</i>	10		297,775,026,421	406,104,852,353
4. Giá vốn hàng bán <i>Cost of goods sold</i>	11	VI.3	237,101,048,130	336,404,310,183
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Gross profit</i>	20		60,673,978,291	69,700,542,170
6. Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i>	21	VI.4	88,895,191	349,172,369
7. Chi phí tài chính <i>Financial expenses</i>	22	VI.5	7,718,369,769	12,089,387,337
Trong đó: chi phí lãi vay <i>In which: interest expenses</i>	23		7,446,849,188	11,761,285,226
8. Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	25	VI.6	23,152,598,869	22,885,871,943
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General & administration expenses</i>	26	VI.7	26,150,368,203	16,306,322,107
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Net operating profit</i>	30		3,741,536,641	18,768,133,152
11. Thu nhập khác <i>Other income</i>	31	VI.8	434,842,379	399,399,055
12. Chi phí khác <i>Other expenses</i>	32	VI.9	33,327,309	2,664,827,883
13. Lợi nhuận khác <i>Other profit/(loss)</i>	40		401,515,070	(2,265,428,828)

CHỈ TIÊU ITEMS	Mã số Code	Thuyết minh Note	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Accum from beginning of year to the end of period	
			Năm nay	Năm trước
			Current year	Previous year
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Total accounting profit before tax</i>	50		4,143,051,711	16,502,704,324
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành <i>Current income tax expense</i>	51	V.15	54.748.835	4.346.209.554
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại <i>Deferred income tax expense</i>	52	V.12	(529.902.242)	39.750.757
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Net Profit after tax</i>	60		<u>4,618,205,118</u>	<u>12,116,744,013</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu <i>Earnings per share</i>	70	VI.10	335	880
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu <i>Diluted earnings per share</i>	71	VI.10	335	880

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025


Vu Thanh Nhân
Người lập/Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Quỳnh
Quyền Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CASH FLOW STATEMENT

(Theo phương pháp gián tiếp - *Indirect method*)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
For the financial year ended December 31, 2024

Đơn vị tính: VND - *Unit: VND*

CHỈ TIÊU <i>ITEMS</i>	Mã số <i>Code</i>	Thuyết minh <i>Note</i>	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này <i>Accum from beginning of year to the end of period</i>	
			Năm này <i>Current year</i>	Năm trước <i>Previous year</i>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh <i>Cash flows from operating activities</i>				
1. Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	01		4,143,051,711	16,502,704,324
2. Điều chỉnh cho các khoản: <i>Adjustments for:</i>			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT <i>Depreciation of fixed assets and investment property</i>	02	V.9. 10	16,697,817,150	11,961,837,707
- Các khoản dự phòng <i>Provisions</i>	03	V.6. 7	10,616,126,569	(210,312,023)
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ <i>Gains / (losses) exchange rate differences from revaluation of monetary items denominated in</i>	04	VI.5	237,953,224	167,478,607
- Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư <i>Gain / loss from investing activities</i>	05	VI.4, VI.8	(409,090,909)	(222,706,500)
- Chi phí lãi vay <i>Interest expense</i>	06	VI.5	7,446,849,188	11,761,285,226
- Các khoản điều chỉnh khác <i>The other adjustment</i>	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động <i>Increase / (decrease) in receivables</i>	08		38,732,706,933	39,960,287,341
- Tăng / (giảm) các khoản phải thu <i>Increase / (decrease) in receivables</i>	09		22,067,538,390	10,281,105,432
- Tăng / (giảm) hàng tồn kho <i>Increase / (decrease) in inventories</i>	10		5,411,667,531	9,868,913,917
- Tăng / (giảm) các khoản phải trả <i>Increase / (decrease) in payables</i>	11		3,288,827,626	3,072,669,962
- Tăng / (giảm) chi phí trả trước <i>Increase / (decrease) in prepaid expenses</i>	12		(1,164,768,972)	2,794,984,921
- Tiền lãi vay đã trả <i>Interests paid</i>	14	V.17, VI.5	(7,379,184,701)	(11,413,835,884)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp <i>Business income tax paid</i>	15	V.15	(2,487,705,854)	(10,763,027,555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Net cash inflows from operating activities</i>	20		<u>58,469,080,953</u>	<u>43,801,098,131</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư <i>Cash flows from investing activities</i>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác <i>Purchases of fixed assets and other long-term assets</i>	21	V.9, 10, 11 VII	(5,457,342,998)	(15,717,982,003)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác <i>Proceeds from disposals of fixed assets / long-term</i>	22	V.9, VI.8	409,090,909	-

CHỈ TIÊU <i>ITEMS</i>	Mã số <i>Code</i>	Thuyết minh <i>Note</i>	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này <i>Accum from beginning of year to the end of period</i>	
			Năm nay <i>Current year</i>	Năm trước <i>Previous year</i>
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác <i>Loans given and purchases of debt instruments of other entities</i>	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác <i>Recovery of loans given and disposals of debt instruments of other entities</i>	24	V.2a	2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác <i>Investments into other entities</i>	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác <i>Withdrawals of investments in other entities</i>	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia* <i>Proceeds from interests, dividends and profits shared</i>	27		-	2.744.959.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư Net cash flows from investing activities	30		<u>(3,048,252,089)</u>	<u>(14,973,022,639)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính Cash flows from financing activities				
1. Tiền thu từ đi vay <i>Proceeds from short-term and long-term borrowings</i>	33	V.19	236.150.383.765	390.201.346.381
2. Tiền trả nợ gốc vay <i>Repayments of borrowings</i>	34	V.19	(254.829.872.077)	(438.978.558.472)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính <i>Cash payment of principal finance lease</i>	35		-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu <i>Dividends and profits paid to the owners</i>	36	V.18a, 20	(6.848.750.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính Net cash flows from financing activities	40		<u>(25,528,238,312)</u>	<u>(48,777,212,091)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ Net cash flows during the period	50		29,892,590,552	(19,949,136,599)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ <i>Cash and cash equivalents at beginning of the period</i>	60	V.1	177,774,751	20,126,949,856
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại <i>Effects of fluctuations in foreign exchange rates</i>	61		(12.046)	(38.506)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ Cash and cash equivalents at ending of the period	70	V.1	<u>30.070,353,257</u>	<u>177,774,751</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Võ Thành Nhân
Người lập Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Quyên
Quyển Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Notes to the Financial Statements

(xem chi tiết báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán đăng tại / For details, please refer to the audited financial statements for the year 2024 published at <https://spm.com.vn/bao-cao-tai-chinh-nam-2024-va-giai-trinh>)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE

Tổng Giám Đốc / Chief Executive Officer



Nguyen Thế Quyền